

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-TANDTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

(Dự thảo 1)

THÔNG TƯ

Quy định về việc bảo vệ Tòa án nhân dân

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về việc bảo vệ Tòa án nhân dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về việc bảo vệ Tòa án nhân dân, chế độ, chính sách đối với lực lượng bảo vệ Tòa án nhân dân.
- Thông tư này áp dụng đối với các Tòa án nhân dân; lực lượng bảo vệ tại các Tòa án nhân dân; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ tại các Tòa án nhân dân.
- Thông tư này không áp dụng đối với các Tòa án quân sự.

Điều 2. Nguyên tắc bảo vệ Tòa án

- Tuân thủ Hiến pháp, quy định của pháp luật, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án.
- Bảo đảm tuyệt đối an toàn, an ninh, trật tự, văn minh, sự tôn nghiêm của Tòa án; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin của Tòa án trên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng.
- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm, xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm đến an toàn, an ninh, trật tự, sự tôn nghiêm của Tòa án.
- Việc bảo vệ Tòa án phải gắn với công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Tòa án nhân dân với lực lượng công an nhân dân, chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ Tòa án.
- Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng danh nghĩa bảo vệ Tòa án để thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Xâm phạm, đe dọa xâm phạm an toàn, an ninh, trật tự, uy tín, sự tôn nghiêm đối với trụ sở làm việc của Tòa án.
2. Xâm phạm, đe dọa xâm phạm an toàn tài sản, hồ sơ, tài liệu, chứng cứ của vụ án, vụ việc, phương tiện, trang thiết bị làm việc của Tòa án.
3. Nghiêm cấm mang vào Tòa án các loại vũ khí, chất nổ, chất gây cháy, chất độc hại và các vật dụng có thể gây nguy hiểm cho an ninh tại Tòa án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Tấn công mạng, đường truyền dữ liệu, chiếm đoạt thông tin, dữ liệu điện tử của Tòa án.
5. Gây rối, gây mất an ninh trật tự, an toàn tại phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ án, vụ việc; truyền phát trực tiếp, trực tuyến tại phiên tòa, phiên họp trái quy định của pháp luật.
6. Xâm phạm, đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thẩm phán, người có chức danh tư pháp khác, công chức khác, viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân; người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, công dân đến làm việc tại Tòa án.
7. Thiểu trách nhiệm, cố ý chậm trễ trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác bảo vệ Tòa án.
8. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung bảo vệ

1. Bảo vệ trụ sở Tòa án; các phiên tòa, phiên họp xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc (trừ các phiên tòa, phiên họp được lực lượng cảnh sát nhân dân bảo vệ); Hội đồng xét xử, Thẩm phán và người có chức danh tư pháp khác; hồ sơ, tài liệu, chứng cứ trong vụ án, vụ việc; tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc của Tòa án.
2. Thiết lập, củng cố hệ thống an ninh mạng của Tòa án để bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, tránh lộ, lọt bí mật nhà nước, bí mật công tác trên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng; thiết lập các biện pháp bảo mật thông tin hoạt động của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thành lập Tổ bảo vệ

1. Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao quyết định thành lập Tổ bảo vệ tại Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Tổ bảo vệ tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân khu vực quyết định thành lập Tổ bảo vệ tại Tòa án nhân dân khu vực.
2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ tại Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định trên cơ sở đề xuất của Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao.

Số lượng thành viên Tổ bảo vệ tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

3. Tổ bảo vệ có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và các tổ viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn nhân viên bảo vệ

Phương án 1:

Nhân viên bảo vệ tại các Tòa án nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên;
2. Có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
3. Có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. Ưu tiên tuyển dụng lực lượng bảo vệ là người đã có thời gian công tác trong lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân;
4. Có chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ;
5. Có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ.

Phương án 2:

Nhân viên bảo vệ tại các Tòa án nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên;
2. Có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
3. Có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. Ưu tiên tuyển dụng lực lượng bảo vệ là người đã có thời gian công tác trong lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân.
4. Có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ.

Điều 7. Đơn vị thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tại các Tòa án nhân dân

1. Tổ bảo vệ tại các Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ quan Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này; phối hợp với lực lượng cảnh sát nhân dân bảo vệ phiên tòa, phiên họp khi có yêu cầu.

2. Việc bảo vệ an ninh, an toàn thông tin của Tòa án trên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này do Cục Công nghệ thông tin Tòa án nhân dân tối cao tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bảo vệ tại các Tòa án nhân dân

Tổ bảo vệ tại các Tòa án nhân dân trực bảo vệ theo ca liên tục 24h/24h trong ngày, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Kiểm soát người và phương tiện di chuyển ra, vào Tòa án.
2. Thực hiện kiểm tra an ninh, giấy tờ tùy thân đối với người ra, vào Tòa án. Không cho phép mang vật dụng, tài sản ra vào Tòa án khi chưa có đủ giấy tờ hợp lệ, trường hợp không chấp hành thì lập biên bản tạm giữ và kịp thời báo cáo

lãnh đạo Văn phòng; ngăn chặn, không cho mang vào Tòa án vũ khí, chất nổ, chất gây cháy, chất độc hại và các vật dụng có thể gây nguy hiểm cho an ninh phòng xử án theo quy định.

3. Từ chối cho vào Tòa án hoặc buộc rời khỏi Tòa án những đối tượng không tuân thủ quy định về yêu cầu kiểm tra an ninh hoặc có hành vi gây rối trật tự phiên tòa, làm mất trật tự, an ninh, an toàn của Tòa án.

4. Chấn chỉnh người vi phạm nội quy phòng xử án, không để xảy ra mất an ninh, trật tự; thi hành quyết định của Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử về việc buộc người vi phạm rời khỏi phòng xử án, khu vực xét xử tại các phiên tòa, phiên họp không có lực lượng cảnh sát nhân dân bảo vệ.

5. Tuần tra, kiểm tra các vị trí trọng yếu trong trụ sở Tòa án; được quyền kiểm tra giấy tờ đối với người, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan khi phát hiện dấu hiệu vi phạm an toàn, an ninh, trật tự; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ cần thiết để phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm, xâm nhập trái phép, đe dọa an ninh trật tự tại Tòa án. Trường hợp cần thiết phải báo cáo ngay lãnh đạo Văn phòng, đề xuất biện pháp xử lý và kịp thời phối hợp Công an xã, phường tại địa bàn để giải quyết.

6. Đối với công dân đến tham dự phiên tòa, phiên họp, khiếu nại, tố cáo, lực lượng bảo vệ hướng dẫn công dân tới địa điểm tổ chức phiên tòa, phiên họp, tiếp dân; trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người phải thông báo ngay với Công an xã, phường tại địa bàn để được hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự; đồng thời báo cáo ngay với lãnh đạo Văn phòng và đơn vị có liên quan đến vụ việc để phối hợp giải quyết.

7. Hướng dẫn, nhắc công chức, viên chức, người lao động và những người khác đến Tòa án để ô tô, xe máy, xe đạp đúng nơi quy định, bảo đảm an toàn, mỹ quan; xử lý các phương tiện cố tình để không đúng quy định.

8. Tham gia công tác phòng cháy và chữa cháy của Tòa án. Khi có cháy, nổ xảy ra phải tổ chức chữa cháy kịp thời; đồng thời thông báo ngay cho ban chỉ huy và Đội phòng cháy, chữa cháy cơ quan Tòa án, Công an phòng cháy và chữa cháy. Nhân viên bảo vệ phải sử dụng thành thạo các trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phòng và chữa cháy.

9. Ghi chép đầy đủ diễn biến và các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ đã thực hiện trong ca trực. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra mất mát, hư hỏng tài sản trong ca trực.

10. Thực hiện các quy định về quản lý vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại (nếu có).

11. Phối hợp với Công an xã, phường nơi Tòa án có trụ sở trong công tác nắm tình hình, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ quan; đề xuất nội quy bảo vệ cơ quan; kế hoạch, các biện pháp phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật khác xảy ra trong cơ quan.

12. Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác khi được Chánh án, lãnh đạo Văn phòng giao.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Tòa án nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh, an toàn thông tin của Tòa án trên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng

1. Cục Công nghệ thông tin chủ trì tổ chức thực hiện việc bảo vệ an ninh, an toàn thông tin của Tòa án trên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng theo chức năng, nhiệm vụ, quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng của Tòa án nhân dân và quy định của pháp luật.

2. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ thông tin trong việc triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin của Tòa án trên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng; kịp thời báo cáo Cục Công nghệ thông tin khi phát hiện sự cố kỹ thuật hoặc nguy cơ mất an toàn thông tin để giải quyết.

Điều 10. Trang bị công cụ hỗ trợ và các loại phương tiện kiểm tra an ninh tại các Tòa án nhân dân

1. Các Tòa án nhân dân được trang bị thiết bị kiểm tra an ninh gồm: cửa từ, máy dò kim loại, camera giám sát, máy soi, máy bộ đàm.

2. Tổ bảo vệ Tòa án được cơ quan có thẩm quyền xem xét, trang bị loại công cụ hỗ trợ gồm phương tiện xịt hơi cay; dùi cui điện, dùi cui kim loại, dùi cui cao su, áo giáp, găng tay bắt dao; súng bắn điện, súng bắn đạn nổ, cao su, hơi cay và đạn sử dụng cho các loại súng này theo quy định của pháp luật.

3. Số lượng trang thiết bị kiểm tra an ninh, công cụ hỗ trợ trang bị cho các Tòa án do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

Điều 11. Chế độ, chính sách đối với lực lượng bảo vệ Tòa án

1. Lực lượng bảo vệ cơ quan Tòa án được cấp trang phục, giấy chứng nhận, trang bị biển hiệu, băng chức danh và các phương tiện cần thiết khác theo quy định để phục vụ công tác bảo vệ.

2. Được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ.

3. Được hưởng lương và các quyền lợi, chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

4. Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thương, bị thiệt mạng thì có thể được xem xét công nhận hưởng chế độ như thương binh, liệt sỹ và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Kinh phí và điều kiện bảo đảm hoạt động của lực lượng bảo vệ tại các Tòa án nhân dân

Kinh phí và điều kiện bảo đảm hoạt động của lực lượng bảo vệ Tòa án nhân dân do Ngân sách Nhà nước bảo đảm.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng Năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất, kiến nghị thì phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao (qua Văn phòng) để tổng hợp, báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản để đăng công báo);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Thành viên HĐTP TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- TAND các cấp;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH).

CHÁNH ÁN

Nguyễn Văn Quảng